TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Tô Thị Bích Hồng;
2. Ông Trần Hữu Trung.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 456/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Diệu T, sinh năm 1994, có mặt.
Địa chỉ: Tổ 7, khu V2, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1983, vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 7, khu V2, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày có nội dung:

Về tình trạng hôn nhân: Tôi (Phạm Thị Diệu T) và anh Bùi Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, ngày 25/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu V2, phường M, thị xã Đ, cuộc sống hạnh phúc được khoảng hơn hai năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Sau khi mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị đã tìm mọi biện pháp, nhằm khắc phục, nhưng đều không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, nếu hôn nhân tiếp tục duy trì, không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Bùi Văn N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có một con chung là Bùi Tùng D, sinh ngày 20/9/2016, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng thời yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ một tháng cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn N không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù đều nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ của Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Diệu T giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Bùi Văn Ninh và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ một tháng cho đến khi con chung thành niên.

Tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn N vắng mặt, nhưng khi nhận quyết định đưa vụ án xét xử có thể hiện quan điểm, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều nhận định:

[2]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình số: 456/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/9/2018, giữa nguyên đơn chị Phạm Thị Diệu T với bị đơn anh Bùi Văn N là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong khi nhận quyết định đưa vụ án xét xử, bị đơn anh Bùi Văn N có thể hiện quan điểm, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Cho nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Phạm Thị Diệu T và anh Bùi Văn N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách trái ngược nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N đều vắng mặt tại các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, cho nên xác định anh N cũng không có nguyện vọng tham

tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thanh và anh N đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, nếu tiếp tục duy trì, sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Cho nên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về nuôi dưỡng con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có một con chung là Bùi Tùng D, sinh ngày 20/9/2016, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Vì con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ, nên giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền là 2.000.000đ một tháng, kể từ tháng 01/2019 cho đến khi con chung thành niên, là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. *Về án phí:*

Chị Phạm Thị Diệu T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Bùi Văn N là người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nên phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng như trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[6]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị Diệu T được ly hôn anh Bùi Văn N.

2. Về nuôi dưỡng con chung:

2.1. Giao cho chị Phạm Thị Diệu T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Tùng D, sinh ngày 20/9/2016 cho đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi).

2.2. Anh Bùi Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Bùi Tùng D số tiền 2.000.000đ một tháng, kể từ tháng 01/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

2.3. Anh Bùi Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Ninh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Chị Phạm Thị Diệu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003572 ngày 26/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Anh Bùi Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Diệu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Bùi Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND thị xã Đông Triều;
-Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
-UBND phường Mạo Khê (Nơi đăng ký kết hôn);
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Nam